

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 28 tháng 4 năm 2021.

V/v *Xin ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Khánh.***

**** Hội thẩm nhân dân:***

1/. Ông Nguyễn Thành Nhận.

2/. Bà Cao Thị Mỹ Phượng.

**** Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B.***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên***

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Bội T – sinh năm 1996.***

Trú tại: Khóm 1, phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B. (có mặt)

**** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1989.***

Trú tại: Ấp 3B, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Bội T, là nguyên đơn trình bày: Chị T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới hỏi và được Ủy ban nhân dân phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/5/2019. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã, làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con là cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 16/6/2018, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng**

nuôi con, hiện cháu Nhiên đang sống với chị T; Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị T không yêu cầu gì thêm.

* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q, nhưng anh Q đều vắng mặt và không gửi văn bản hay ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T cho Tòa án.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn là chị T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn là anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị T và anh Q chung sống có đăng ký kết hôn. Qua phần trình bày của chị T và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định chị T và anh Q có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Q.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 16/6/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dạy, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh Q đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bội T là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bội T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q và yêu cầu được nuôi con nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ cư trú tại Ấp 3B, xã Tân Phong, thị xã G, tỉnh B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về mặt nội dung:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời trình bày của chị T và giấy chứng nhận kết hôn thể hiện: chị T và anh Q tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới hỏi và được Ủy ban nhân dân phường Hộ Phòng, thị xã G, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/5/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh Q; còn anh Q thì không có thiện chí hòa giải, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị T. Mặt khác, hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm xuất phát từ hai phía vợ và chồng nhưng hiện tại chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn thì có chung sống tiếp cũng không hạnh phúc. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Q.

[2] Về con chung: Căn cứ các chứng cứ liên quan như lời trình bày của chị T, giấy khai sinh thì có đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 16/6/2018 là con chung của chị T và anh Q. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Nhiên tuổi còn nhỏ, hiện nay cháu cũng đang sống ổn định với chị T. Mặt khác, chị T xác định chị có đủ điều kiện để nuôi con, anh Q thì không có ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con của chị T. Để tránh xáo trộn tâm lý và điều kiện sinh hoạt, học hành của con nên việc giao cháu Nhiên cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp, không trái đạo đức xã hội, cũng như không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin nuôi con của chị T, giao cháu N cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Riêng đối với anh Q do trong quá trình giải quyết vụ án anh không có ý kiến gì về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, anh Q và chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn ở một vụ án độc lập khác.

[4] Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu, anh Q cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bội T là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng.

Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Bội T;

Xử cho ly hôn mỗi quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Bội T và anh Nguyễn Văn Q.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Ngọc N, sinh ngày 16/6/2018 cho chị Huỳnh Thị Bội T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu Nhiên đang sống chung với chị T. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, anh Q không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/. Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, anh Q không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Bội T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002300 ngày 15/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án 28/4/2021; anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh B;
- VKSND TX. G;
- CCTHA TX. G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Duy Khánh

